

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	57.917.900.000	12.205.900.000	24.001.472.179	19.670.376.410	41,44	161,15
I	Các khoản thu 100%	183.000.000	183.000.000	404.061.589	405.425.000	220,80	221,54
1	Phí, lệ phí	33.000.000	33.000.000	33.625.000	33.625.000	101,89	101,89
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	118.000.000	118.000.000	332.565.000	332.565.000	281,83	281,83
	Thu từ quỹ đất công ích			332.565.000	332.565.000		
	Thu tiền đền bù khi nhà nước thu hồi đất						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			5.871.589			
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			15.000.000	15.000.000		
8	Thu khác	32.000.000	32.000.000	17.000.000	24.235.000	53,13	75,73
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	53.093.500.000	7.381.500.000	6.930.656.535	2.598.197.355	13,05	35,20
1	Các khoản thu phân chia	453.500.000	373.500.000	357.916.487	308.017.724	78,92	82,47
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	44.000.000	44.000.000	87.664.691	87.664.691	199,24	199,24
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	9.500.000	9.500.000	20.757.952	20.757.952	218,50	218,50
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	400.000.000	320.000.000	249.493.844	199.595.081	62,37	62,37
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	52.640.000.000	7.008.000.000	6.572.740.048	2.290.179.631	12,49	32,68
2.1	Thu tiền sử dụng đất	49.000.000.000	6.050.000.000	2.527.121.550	1.137.204.700	5,16	18,80
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	600.000.000	180.000.000	1.363.126.779	408.938.041	227,19	227,19
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	340.000.000	238.000.000	2.390.608.986	678.953.481	703,12	285,27
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.700.000.000	540.000.000	264.646.512	51.465.294	9,80	9,53
2.6	Thuế thu nhập cá nhân						
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt			27.236.221	13.618.115		

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			5.181.718.055	5.181.718.055		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.641.400.000	4.641.400.000	11.485.036.000	11.485.036.000	247,45	247,45
	Bổ sung cân đối ngân sách	4.641.400.000	4.641.400.000				
1	Thu bổ sung cân đối			4.639.010.000	4.639.010.000		
	Bổ sung có mục tiêu			6.846.026.000	6.846.026.000		
2	Thu bổ sung có mục tiêu						